

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2020/DS -PT**

Ngày 13 - 01 - 2020

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Chương

Các Thẩm phán: Ông Ma Ngọc Trung
Ông Lê Tuấn Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ánh Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang
mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2019/TLPT-
DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST, ngày 18 tháng 10 năm 2019
của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2019/QĐ-PT, ngày
17 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1975; có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Ông **Triệu Tiến L**, sinh năm 1986; có mặt.

Địa chỉ: Tổ I, thị trấn O, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1977; có mặt.

- Anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1998; vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Triệu Tiến L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:*

Vào năm 2016, ông V có thỏa thuận làm ăn về việc bán lợn giống cho ông Triệu Tiến L. Giữa ông và ông L đã thỏa thuận làm ăn với nhau được 03 chuyến hàng, 02 chuyến hàng trước đó thì đã bàn giao hàng (lợn con) và thanh toán xong, không nợ nần và không xảy ra vấn đề xích mích gì với nhau. Tính đến chuyến hàng cuối cùng là vào ngày 24/01/2017, ông bán cho ông L 44 con lợn con, hai bên chốt công nợ thì ông L còn nợ ông tổng số tiền 55.500.000 đồng. Ông L đã viết giấy nhận nợ cho ông và trên giấy nhận nợ có hẹn đến ngày 28/01/2017 sẽ trả cho ông trước 30.000.000 đồng. Tuy nhiên đến hạn trả thì ông L vẫn chưa thanh toán được tiền nợ cho ông. Ông đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông L đều viện nhiều lý do và chưa trả nợ cho ông. Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Triệu Tiến L phải thanh toán cho ông số tiền nợ gốc là 55.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi đối với số nợ này.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Triệu Tiến L trình bày:* Năm 2016 giữa ông và ông V có thỏa thuận làm ăn mua bán lợn giống với nhau, cụ thể ông V là bên bán lợn giống cho ông, hai bên đã làm ăn buôn bán được nhiều lần và không xảy ra vấn đề xích mích gì. Cho đến 24/01/2017 thì giữa ông và ông V đã chốt nợ việc làm ăn với nhau, ông xác định còn nợ ông V số tiền 55.500.000 đồng. Khi chốt nợ, ông có viết giấy cho ông V để làm căn cứ xác nhận nợ. Kể từ thời điểm chốt số nợ trên đến nay, ông xác định đã thanh toán được cho ông V tổng số tiền 35.500.000 đồng, chia thành các lần, cụ thể như sau:

+ Lần 01: Khoảng tháng 4 năm 2017 (ngày không nhớ rõ), tại nhà của ông L ở Tổ I (trước là tổ A), ông L đã trả cho ông V số tiền 5.000.000 đồng. Khi thanh toán số tiền nợ này giữa ông L và ông V không viết giấy biên nhận và có một người phụ nữ đi cùng ông V chứng kiến, đây có phải là vợ của ông V không thì ông không xác định được.

+ Lần 02: Khoảng tháng 07/2017 (ngày không nhớ), tại khu vực thôn G, xã B, ông có trả cho cho 01 người phụ nữ được ông V gọi điện thoại nhờ gặp để lấy hộ tiền, số tiền là 9.000.000 đồng. Khi trả tiền thì giữa ông và người phụ nữ này cũng không viết giấy biên nhận và có 01 người phụ nữ khác (ông cũng không quen biết) đi cùng người phụ nữ nhận tiền chứng kiến việc thanh toán trên.

+ Lần 03: Khoảng ngày 26 - 27/12/2017 (âm lịch) tại trước cửa gia đình ông ở Tổ I (trước là tổ A), ông có trả cho con trai của ông V, họ tên là gì ông không biết (cũng được ông V gọi điện thoại hẹn với ông là nhờ đến lấy giúp), số tiền 4.000.000 đồng. Khi trả tiền ông và con trai của ông V cũng không làm giấy tờ biên nhận và không có ai khác chứng kiến việc trả tiền.

+ Lần 04: Vào ngày 13/6/2019 tại tổ 11/9, ông có trả trực tiếp cho ông V số tiền 10.000.000 đồng, khi trả tiền giữa hai bên không làm giấy tờ biên nhận, nhưng có nhóm thợ làm thuê cho gia đình ông chứng kiến và ông chỉ nhớ nhóm thợ gồm tên các ông: Đ, T (họ không nhớ), địa chỉ xã E, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (không xác định được thôn).

+ Ngoài ra, ông còn nhiều lần khác trả được cho ông V tổng số tiền 7.500.000 đồng, các lần cụ thể như nào ông không nhớ rõ do mỗi lần trả một ít và trả ở nhiều địa điểm khác nhau. Việc trả tổng số tiền 7.500.000 đồng này các bên cũng không làm giấy tờ biên nhận.

Ông xác định chỉ còn nợ ông V tổng số tiền là 20.000.000 đồng, do vậy, ông chỉ chấp nhận thanh toán cho ông V số tiền 20.000.000 đồng còn lại và yêu cầu Tòa án tiến hành làm việc với bà Hoàng Thị Y, trú tại: Thôn P, xã X, huyện X, tỉnh Bắc Kạn. Bởi lẽ bà Y là người mua lợn của ông, còn ông V là người bảo hành cho số lợn mà bà Y đã mua của ông. Vào trước thời điểm ông chốt công nợ về số tiền 55.500.000 đồng với ông V thì ông có nhận mua của ông V 44 con lợn giống, sau đó ông đã bán lại cho bà Y, được một thời gian thì số lợn nêu trên bị chết hết, nhưng ông V không bảo hành toàn bộ mà chỉ bảo hành 14 con. Vậy giữa ông, ông V và bà Y còn vướng mắc chuyện nợ nần nên chỉ khi có mặt 03 người thì mới làm rõ được vấn đề nợ nần. Đối với tờ giấy viết tay có nội dung nhận nợ mà ông V nộp tại Tòa án, ông thừa nhận đây đúng là giấy do ông viết, nội dung ghi trên giấy ông không thắc mắc gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L nêu quan điểm đã thanh toán cho ông V được tổng số tiền là 28.000.000 đồng và chỉ chấp nhận thanh toán số tiền còn nợ là 27.500.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Nguyễn Thị U trình bày:

Bà U là vợ của ông V và không có quan hệ gì với ông L. Việc làm ăn buôn bán lợn giống giữa ông Nguyễn Văn V và ông Triệu Tiến L thì bà không nắm được, do đó là công việc của chồng, còn bà làm công việc khác (làm ruộng). Bà xác nhận có 01 lần được ông Nguyễn Văn V nhờ đi gặp ông Triệu Tiến L để lấy tiền nợ giúp cho ông V. Cụ thể: vào khoảng cuối tháng 4 năm 2016 (ngày không xác định được do thời gian quá lâu), bà được ông V nhờ đi gặp ông L ở khoảng Km5 Ngọc Hội đường C - Na Hang để lấy giúp số tiền nợ 7.000.000 đồng. Sau đó bà được ông L gọi điện thoại vào số máy của bà hẹn đến đỉnh dốc đoạn đường khoảng Km5 Ngọc Hội, C - Tuyên Quang để ông L đưa tiền nợ. Bà đã đến nơi do ông L hẹn, gặp trực tiếp ông Triệu Tiến L và được ông L đã đưa trả số tiền 7.000.000 đồng, ông L có nói với bà là “chị cầm giúp em 7.000.000 đồng đưa cho anh Việt”. Bà U đếm tiền thấy đủ 7.000.000 đồng nên đi về. Quá trình ông L giao trả số tiền trên, giữa ông L và bà U không lập biên bản giấy tờ. Sau khi cầm số

tiền trên, bà U đi về nhà và đến khoảng tối cùng ngày đã giao lại toàn bộ số tiền này cho ông V. Việc lấy tiền giúp ông V là do ông V nhờ chứ không có thỏa thuận trả công thù lao gì do giữa hai người là vợ chồng.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng anh Nguyễn Minh P trình bày:

Anh P là con đẻ của ông Nguyễn Văn V và không có quan hệ gì với ông Triệu Tiến L. Việc làm ăn buôn bán giữa ông V và ông L, anh P không nắm được do thường xuyên vắng nhà và anh P cũng không quan tâm đến công việc của bố. Anh P xác nhận có 01 lần được ông Nguyễn Văn V nhờ đi gặp ông Triệu Tiến L để lấy tiền giúp cho ông V, cụ thể: vào khoảng tháng 6 năm 2016 (không xác định được ngày do thời gian đã lâu), khi anh P có mặt tại nhà thì ông Nguyễn Văn V có nói với anh P là “bố bận việc, con đi ra nhà chú Lâm lấy tiền nợ hộ bố, số tiền 4.000.000 đồng, bố đã điện thoại bảo chú Lâm trước rồi”. Vào khoảng chiều tối cùng ngày anh P đi xe máy ra nhà ông Triệu Tiến L. Tại nhà ông L, anh P nói với ông L là “bố cháu nhờ cháu ra lấy tiền nợ”. Sau đó, ông L đã trực tiếp đưa cho anh P số tiền là 4.000.000 đồng bảo với anh P cầm giúp về trả cho ông V. Sau khi cầm số tiền trên, anh P đã đi về và giao lại toàn bộ số tiền này cho ông V. Việc anh P lấy giúp ông V số tiền này là do ông V nhờ chứ không có thỏa thuận trả thù lao. Quá trình ông L đưa số tiền trên cho anh P thì hai bên không lập biên bản giấy tờ.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 144, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 274, 275, 280, 430, 440, 357, 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V, buộc ông Triệu Tiến L phải trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền nợ gốc là 55.500.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/10/2019 Tòa án nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Triệu Tiến L, đơn kháng cáo có nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST, ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, ông L không chấp nhận trả cho ông V số tiền 55.500.000 đồng mà chỉ chấp nhận số tiền 27.500.000 đồng vì ông đã thanh toán cho ông V tổng số tiền là 28.000.000 đồng, đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Triệu Tiến L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết, ông nhất trí trả cho ông V số tiền còn nợ là 27.500.000 đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn anh Triệu Tiến L là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung:

Năm 2016 ông V và ông L có thỏa thuận làm ăn mua bán lợn giống với nhau, cụ thể ông V là bên bán lợn giống cho ông L, hai bên đã làm ăn buôn bán được nhiều lần và không xảy ra vấn đề xích mích gì. Đến 24/01/2017 thì giữa ông L và ông V đã chốt nợ việc làm ăn với nhau, ông L còn nợ ông V số tiền 55.500.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm sau phân tranh tụng ông Nguyễn Văn V và ông Triệu Tiến L thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 274, 275, 280, 430, 440, 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Triệu Tiến L, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST, ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Buộc ông Triệu Tiến L phải trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Triệu Tiến L phải chịu 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Triệu Tiến L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các T liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Triệu Tiến L không chấp nhận trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền 55.500.000 đồng mà chỉ chấp nhận số tiền 27.500.000 đồng vì ông L đã thanh toán cho ông V tổng số tiền là 28.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn V và ông Triệu Tiến L đều khai khoảng tháng 4/2016 ông V bán cho ông L 38 con lợn con, giá 1.050.000 đồng/con tổng số tiền là 39.900.000 đồng, ông L khai đã trả nhiều lần đủ số tiền nợ trên. Ông V khai do ông L trả nhiều lần trong đó có lần khoảng tháng 4/2016 ông L trả cho ông V 5.000.000 đồng, khoảng tháng 7/2016 ông L trả cho bà U (vợ ông) số tiền là 7.000.000 đồng.

Lần 2: Ông V bán cho ông L 19 con lợn con, giá 1.050.000 đồng/con, tổng số tiền là 19.950.000 đồng, ông L đã trả 15.000.000 đồng, còn nợ lại 4.950.000 đồng. Ông V khai, ông L trả cho con ông là anh P số tiền 4.000.000 đồng, còn số tiền 950.000 đồng do ông L được hưởng 50.000 đồng/con lợn, sau khi thanh toán xong hai lần trên thì tiếp tục mua bán lần ba.

Lần 3: Ông V khai ngày 25 - 26/11/2016 ông V bán cho ông L 44 con lợn con, giá 1.300.000 đồng/con, tổng số tiền là 57.200.000 đồng, trừ tiền cước vận chuyển 500.000 đồng, ông L được hưởng 50.000 đồng/con lợn là 2.200.000 đồng, do ông L chưa trả được đồng nào, nên đến ngày 24/01/2017 ông L đã viết 01 Giấy viết tay có nội dung: *“Hôm nay ngày 24 tháng 01 năm 2017, Lâm tổng còn nợ A. Việt 55.500.000 đồng. Hẹn trước ngày 27/01/2017 trả cho anh Việt 30.000.000 đồng”*, bên dưới có dòng chữ ghi *“ngày 28/01/2017 gia đình Lâm sẽ có trách nhiệm trả 30.000.000 đồng cho anh Việt”*.

Ông L khai ngày 25 - 26/11/2016 ông V bán cho ông L 44 con lợn con, lợn con trên 14kg/con giá 1.400.000 đồng/con x 20 con số tiền là 28.000.000 đồng, còn 24 con dưới 14kg/con giá 1.300.000 đồng/con x 24 con số tiền là 31.200.000 đồng, tổng cộng số tiền là 59.200.000 đồng, cộng số tiền còn nợ của lần thứ hai là 5.000.000 đồng; do bán lợn cho bà Y ở Bắc Kạn bị chết 14 con lợn, nên hai bên thỏa thuận đến ngày 24/01/2017 ông L đã viết 01 Giấy viết tay có nội dung ông L còn nợ ông V số tiền 55.500.000 đồng. Sau thời điểm viết giấy nhận nợ này thì ông L đã trả cho ông V được 04 lần với tổng số tiền là 28.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm sau phần tranh tụng ông Nguyễn Văn V và ông Triệu Tiến L thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Triệu Tiến L, sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: ông Triệu Tiến L phải trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do cấp phúc thẩm sửa về mức tiền phải trả, nên sửa về án phí sơ thẩm có giá ngạch; ông Triệu Tiến L phải chịu 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Triệu Tiến L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 274, 275, 280, 430, 440, 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Triệu Tiến L, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST, ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Ông Triệu Tiến L phải trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Khoản tiền ông Triệu Tiến L phải trả cho ông Nguyễn Văn V, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Văn V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông Triệu Tiến L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Ông Triệu Tiến L phải chịu 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Triệu Tiến L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số 0001903 ngày 08/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Ông Triệu Tiến L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 13/01/2020./.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"../.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Chương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Ngọc Trung – Lê Tuấn Tú

Hà Văn Chương